TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/HS-ST
Ngày 19 – 11 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất;

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa*:** Ông Trìu A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 134/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Gia H**, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1996, tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, ấp B, xã B1, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Thảo C, sinh năm 1971, có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Đình Đ**, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1991, tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1958 (đã chết), có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Phan Văn T, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Ấp 6, xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Võ T, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Lương Quốc T1, sinh năm: 2001; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Văn Phú B, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Anh Tống Mạnh S, sinh Năm 1980; Nơi cư trú: Ấp B, xã B1, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Hồ Hữu T2, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Anh Đặng Văn G, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

8. Anh Phùng Duy T3, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

9. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Gia H và Phan Văn T là công nhân của Công ty V thuộc Khu công nghiệp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trong quá trình làm việc giữa Đ và H có xảy ra mâu thuẫn với anh T.

Vào khoảng 17 giờ ngày 29/8/2020 nhóm công nhân làm chung xưởng có tổ chức ăn nhậu tại quán "Ẩm Thực Phố" thuộc ấp T, xã H, huyện T. Trong lúc ăn nhậu thì Đ và H rủ nhau khi về chặn đánh anh T. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi anh T điều khiển xe mô tô ra về thì Đ điều khiển xe mô tô biển số 60H1-099.80 chở H đuổi theo anh T khoảng 200m và vượt lên phía trước chặn đầu xe của anh T, Đ và H xuống xe xông vào dùng tay, chân đánh trúng đầu, người anh T. Lúc này, anh Lương Quốc T và anh Nguyễn Thế N (là công nhân cùng làm với Đ, Hvà anh T) điều khiển xe đi từ quán nhậu A về thấy đánh nhau thì dừng

lại, anh T nghĩ là đến đánh anh T nên đã bỏ chạy về quán "A" và nhặt gạch đá ném về hướng Đ, Huy, N, Quốc T. Đ và H tiếp tục đuổi theo anh T, thấy đánh nhau anh Văn Phú B (là công nhân cùng làm với anh T) đã ra can ngăn anh T thì H lấy vỏ chai bia loại Tiger bạc (loại vỏ chai bằng thủy tinh có dung tích 330ml) cầm trên tay xông đến đánh trúng đầu anh T, còn Đ cầm xô nhựa đánh trúng người anh T. Khi thấy anh T cầm vỏ chai bia đập vỡ một đầu để đánh lại thì được mọi người can ngăn, sau đó anh T đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom điều trị thương tích, đến ngày 30/8/2020 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0876/TgT/2020 ngày 02/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích của Phan Văn T như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo đỉnh thái dương phải kích thước 03x0,3cm, tỷ lệ: 02%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phan Văn T áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 02% (Hai phần trăm).

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích là vật sắc hoặc vật tày có cạnh. (bút lục: 115-117).

Ngày 10/3/2021 anh Phan Văn T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ.

- Vật chứng của vụ án: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đình Đ sử dụng xe mô tô biển số 60H1-099.80 (trị giá 35.000.000 đồng) là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị Hoài D. Hiện Đ xe đã bán cho người không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Phan Văn T thay đổi yêu cầu về bồi thường dân sự; yêu cầu Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ bồi thường chi phí chữa trị vết thương, chi phí trồng răng là 30.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); H và Đ không đồng ý.

Tại bản Cáo trạng số: 159/CT-VKS-TB ngày 28 tháng 6 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; buộc bị cáo H phải khấu trừ thu nhập theo quy định; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đ.

- Đề nghị Tòa tuyên nộp sung công ½ giá trị xe mô tô biển số 60H1-099.80 là 17.500.000 đồng.

- Về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

- Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo H và bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người làm chứng và bị cáo Nguyễn Đình Đ đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra; bị cáo Đ có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do hiện đang phải cách ly y tế do bệnh Covid – 19; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 293, của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có đủ cơ sở xác định, do có mâu thuẫn cá nhân từ trước nên vào khoảng 17 giờ ngày 29/8/2020, sau khi tổ chức ăn nhậu tại quán "A" thuộc ấp T, xã H, huyện T1; Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ đã có hành vi dùng tay, chân, xô nhựa và vỏ chai bia xông vào đánh trúng vào người và đầu của anh Phan Văn T gây thương tích 02% *(hai phần trăm)*. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Trảng Bom truy tố là có căn cứ, có đủ cơ

sở xác định Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom; Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bị cáo Đ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình và phải lao động để nuôi dưỡng con nhỏ; nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa và hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo H có mức thu nhập trung bình hàng tháng tại Công ty V là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng)*, do đó cần buộc bị cáo phải khấu trừ thu nhập bằng 10% tiền lương để nộp Ngân sách Nhà nước trong thời hạn 12 tháng; Bị cáo Đ có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình và phải nuôi dưỡng con nhỏ nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đình Đ sử dụng xe mô tô biển số 60H1-099.80 trị giá 35.000.000 đồng. Do mô tô biển số 60H1-099.80 là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Đình Đ và chị Nguyễn Thị Hoài D; chị D không biết Đ sử dụng xe mô tô là tài sản chung vợ chồng dùng vào việc phạm tội và hiện nay Đ đã bán xe cho người không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Do đó, buộc Nguyễn Đình Đ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền bằng ½ giá trị xe là 17.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo H tự nguyện cùng với bị cáo Đ nộp tiền

vào Ngân sách Nhà nước bằng 1/2 giá trị xe. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo; Buộc Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ mỗi bị cáo phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 8.750.000 đồng *(Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh Phan Văn T thay đổi yêu cầu bồi thường so với ban đầu; Anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền thuốc điều trị 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* và chi phí khám, nhổ và trồng răng mới (do các bị cáo đánh gãy răng) là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*; tổng cộng 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*. Xét yêu cầu của bị hại nhận thấy: Sau khi bị H và Đ gây thương tích, anh T có đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom để làm các xét nghiệm cần thiết, khám sức khỏe và chăm sóc vết thương. Hồ sơ bệnh án thể hiện, Thời gian anh T lưu trú tại Trung tâm y tế huyện Trảng Bom là 01 ngày, tổng chi phí phải trả trong thời gian chữa trị là 520.610 đồng *(Năm trăm hai mươi nghìn sáu trăm mười đồng)*; Hồ sơ bệnh án không thể hiện việc anh T bị gãy răng phải thăm khám nhổ hoặc phải trồng răng mới và anh T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị hại về chi phí cho việc nhổ và trồng răng mới; Chấp nhận một phần yêu cầu của anh T về tiền viện phí, tiền thuốc.

Quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo có đơn đề nghị được khắc phục hậu quả và đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng việc nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom với số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005051 và 0005052 cùng ngày 20/10/2021; Tại phiên tòa, bị cáo H tự nguyện bồi thường thêm cho anh T số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*; tổng cộng là 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)*. Xét thấy, số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* là phù hợp với số tiền cần thiết phải bồi thường cho bị hại về tiền viện phí, tiền thuốc và các chi phí khác. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả của các bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường thiệt hại mà bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại tại phiên tòa. Bị hại anh Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với các nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Đình Đ:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Gia Huy, Nguyễn Đình Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Giao bị cáo Nguyễn Gia H cho Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Gia H phải khấu trừ thu nhập bằng 10% mức lương hàng tháng là 800.000 đồng/tháng *(9.600.000 đồng/năm)* trong thời hạn 12 tháng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Giao bị cáo Nguyễn Đình Đ cho Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

+ Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đình Đ.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Đình Đ và bị cáo Nguyễn Gia H, mỗi bị cáo phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 8.750.000 đồng *(Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự 2015;

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo đối với số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm đã được nộp

theo biên lai thu số 0005051 và 0005052 cùng ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Gia H về việc bồi thường thêm cho anh Phan Văn T số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc Nguyễn Gia H và Nguyễn Đình Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Gia H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm;

- Buộc bị hại anh Phan Văn T phải chịu 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo Nguyễn Gia H và bị hại anh Phan Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án*;* bị cáo Nguyễn Đình Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh